

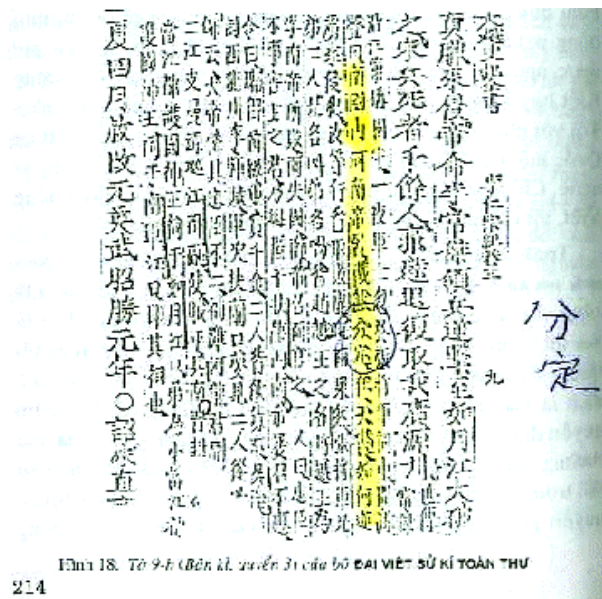
Nam Quốc Sơn Hà
(Bản hùng văn của danh tướng
Lý Thường Kiệt – Một bài Hịch thuộc thể
“Thi Hịch” trong quân sử cổ kim)

Nam quốc sơn hà là một bài thơ đã được dạy học tại các cấp lớp một hai tại Việt nam. Với bản phiên âm sai tại ngay câu thứ hai "Tiệt nhiên **định** phận tại thiên thư" đã làm giảm cấp tình tự dân tộc Lạc Việt

Về bản văn thì sắp xếp cho nó là một bản "Tuyên ngôn độc lập đầu tiên" của nước ta, ngay câu đầu "Nam quốc sơn hà Nam đế cư, " dịch là "Sông núi nước nam vua nam ở " "Nam quốc sơn hà Nam đế cư Tiệt nhiên **phân định** (Không phải định phận) tại thiên thư Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm? Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!".

Phần 01 Dẫn nhập

Theo tài liệu trong bộ Đại Việt sử ký toàn thư:



Hình 18. Từ 9-H (Bản kê, quyển 3) của bộ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

214

Cho thấy thứ tự trước sau của hai chữ ([分定] phân định).

Toàn văn nguyên tác của bài thơ hịch này như sau

Nguyên tác

南國山河，
南國山河南帝居
截然分定在天書
如何逆虜來侵犯
汝等行看取敗虛
李常杰

Phiên âm

Nam quốc sơn hà

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,

Tiết nhiên **phân định** tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Lý Thường Kiệt

-o0o0o-

II -Hịch văn là gì ?

1-Hịch là gì ?

1-Hịch : Là thể loại văn thư đầu tiên trong phép dụng binh thời cổ đại, nó xuất hiện trong buổi lễ "thệ sư ". Lễ "thệ sư " là ngày bắt đầu làm lễ xuất binh. Sách Thuyết văn giải tự viết ", Hịch có khi còn gọi là Vũ hịch, vũ là lông chim, có nghĩa là lúc gấp thì cầm lông chim để truyền quân lệnh, hàm ý là quân lệnh được truyền nhanh như chim bay".

2-Tính chất và ngôn từ của hịch văn

*Hịch là loại văn "Tin thực quốc gia", nhưng nhằm mục đích **kẻ tội, trách mắng lẫn nhau, ngôn từ khoa trương, sự sắp xếp ngôn ngữ có phần bạo liệt, quyết đoán.***

Sáu tiêu chí (lục quán) để xem xét tác phẩm:

Muốn xem xét tình cảm và tư tưởng trong văn chương, thì trước hết phải theo sáu mặt để mà quan sát

- *Một là "Vị thể" (chỉ nội dung, tư tưởng của tác phẩm)*
- *Hai là "Trí từ" (dùng từ đặt câu).*
- *Ba là "Thông biến" (tính khoa học và sáng tạo của nội dung và hình thức).*
- *Bốn là "Kỳ chính" (bố cục và hành văn có theo quy cách không).*
- *Năm là "Sự nghĩa" (điền cô và dẫn chứng có thỏa đáng không).*
- *Sáu là "Cung thương" (âm điệu có hài hòa không).*

Dựa trên những điều trên, ta có thể nhận ra ngay bài Nam quốc sơn hà là một bài thơ Hịch độc đáo và hoàn hảo bởi bố cục và ngôn ngữ sử dụng có các **tu từ** mắng mỏ kẻ địch " *như hà, nghịch lỗ, Nhữ đẳng* ", Dựa trên những dẫn chứng văn học trên, ta có thể nói rằng Nam quốc sơn hà là một bản văn hịch Thơ rất độc đáo của người Việt. Nó có những ngôn ngữ và bố cục như thể văn hịch Trung quốc thường thể hiện, nhưng khác chẳng là nó ngắn gọn, dễ thuộc, và không cần phải "khoa ngôn, lộng ngữ" như trong hịch Tàu bởi

người trong cuộc đã từng kinh qua chiến trận với kẻ thù và họ đã từng thắng lợi.

Trong tịch "Phạt Tống lộ bố văn", do Lý Thường Kiệt cho truyền bá trên đất địch vào năm 1075, trong đó có đoạn :

*"Trời sinh ra dân chúng, vua hiền tất hòa mục. Đạo làm chủ dân, cốt ở nuôi dân. Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng biết tuân theo phép thánh, lại tin kế của An Thạch tham tà, bày những phép "thanh miêu", "trợ địch" khiến trăm học mệt nhọc làm than, mà riêng thoả mãn nuôi mình béo mập. Bởi vì hàng trăm tính mệnh muôn dân, đều phú bẩm tự trời, thế mà bỗng sa vào cảnh éo le độc hại, lượng kẻ ở trên **cố nhiên phải xét**.*

*Nhưng việc từ trước thôi không nói gì. Nay bản chức vâng mệnh quốc vương, chỉ đường tiến quân lên Bắc, **muốn dẹp yên làn sóng yêu nghiệt**, chỉ có ý **phân biệt quốc thể**, không phân biệt chủng dân. Phải quét sạch **nhờ bản hôi tanh** để đến thưở ca ngày Nghiêu, hưởng tháng Thuấn thanh bình.*

Ta nay ra quân, cốt để cứu dân khỏi nơi chìm đắm. Tịch văn truyền tới, để mọi người cùng nghe. Ai nấy hãy tự dẫn đo, chớ có mang lòng sợ hãi."

Chỉ có khẩu khí của một danh tướng như Lý thường Kiệt mới nói ra được câu "**Nay nghe vua Tống ngu hèn**", Hẳn là vua tôi nhà Đại Tống cùng cảm thấy bực tức và nhục.

Những bản nhật lệnh hay những bài diễn văn hùng hồn trước binh sĩ mình, kể cả những chiến thắng qua từng trận đánh cho dù người trực tiếp tham gia là binh sĩ thuộc cấp dưới quyền. Họ chịu trách nhiệm về mọi diễn tiến xấu và tốt xảy ra trên chiến trường.

Nam Quốc Sơn Hà không phải là một bản tuyên ngôn độc lập. Một khi đã là bản văn "tuyên ngôn độc lập" thì nó phải có ngôn ngữ hàm súc thể hiện bản sắc văn hóa đầy bao dung của dân tộc. Nó không phải là một bản văn tuyên ngôn độc lập, vì sao? Bởi vì nước ta đã dành độc lập từ thời Ngô vương Quyền, 938 tính đến 1076 đã có trên dưới 150 năm liên tục sống trong cảnh thái bình.

Một khi nó đã là một bài thơ Tịch cô đọng thì nó tất phải có ngôn ngữ đầy tự tin lẫn khí phách đấu tranh sinh tồn lẫn lời mạt sát, hạ nhục kẻ thù, *bản Nam quốc sơn hà có đầy đủ thứ ngôn ngữ này.*

Người khí phách, thường lời nói đi đôi với việc làm đó là tính nhất quán độc đáo của sĩ phu đời Lý Trần. Họ rất quyết liệt trong hành xử nên trong văn luôn có cả máu và lửa ! Có cả thơ lẫn nụ cười chế giễu.

".... Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng biết tuân theo phép thánh... (thiên thư, sách trời), lại tin kế của An Thạch tham tà, bày những phép "thanh miêu", "trợ dịch" (**nhữ đấng**, thứ ngữ mày! **ngịch lỗ**, bọn tù binh mọi rợ) khiến trăm họ mệt nhọc làm than, mà riêng thoả mãn nuôi mình béo mập. Bởi trăm tính mệnh muôn dân, đều phú bẩm tự trời, thế mà bỗng sa vào cảnh éo le độc hại, lượng kẻ ở trên **cố nhiên phải xét** (hành khan, thấy ngay trước mắt, **thủ bại hư**, cầm chắc lấy thất bại hoàn toàn)

Bối cảnh ra đời của bài thơ Nam quốc sơn hà

"Từ nhà Đinh, nhà Lê trở đi, tuy Tàu không sang cai-trị nước ta nữa, nhưng vẫn cứ lăm-le có ý muốn xâm-lược. Đến khi vua Thần-tông nhà Tống (1068-1078) có quan Tế-tướng là Vương an Thạch đặt ra phép mới để cải-tổ việc chính-trị nước Tàu. Nguyên nhà Tống bấy giờ bị nước Bắc-liêu và nước Tây-hạ ức hiếp, hằng năm phải đem vàng bạc và lụa vải sang cống hai nước ấy. Mà trong nước thì không có đủ tiền để chi dụng. Vua Thần-tông mới dùng ông Vương an Thạch làm Tế-tướng để tu chỉnh mọi việc.

Khi Tân pháp của Vương An Thạch đem ra thi-hành ra thì dân nước Tàu đều lấy làm oán-giận, vì là trái với chế-độ và phong-tục cũ. Vương an Thạch lại có ý muốn lập công ở ngoài biên, để tỏ rõ sự công-hiệu việc cải-tổ của mình. Bấy giờ ở Ung-châu có quan tri-châu là Tiêu Chú biết ý Vương an Thạch, mới làm sớ tâu về rằng: **nếu không đánh lấy đất Giao-châu thì về sau thành một điều lo cho nước Tàu**. Vua nhà Tống nghe theo, lại thêm Thảm Khởi tâu bày mọi lẽ nên đánh Giao-châu. Vua nhà Tống chấp thuận. Thảm Khởi thu-xếp mọi việc theo ý Vương An Thạch.

Sau đó, Tống-triều thay Thảm Khởi cho Lưu Gi ra thay. Lưu Gi sai người đi kê biên các khe ngòi, các đôn-lũy, sửa binh-khí, làm thuyền-bè và lại cấm không cho người ở châu huyện gần đó đi lại buôn bán với người Giao-châu.

Bên Lý-triều nước ta thấy sự tình như thế mới viết thư sang hỏi Tống-triều, thì Lưu Gi lại giữ lại không đệ về kinh.

Năm 1067 vua Tống phong cho vua Lý là Giao chỉ quận vương, hàm ý xem nước ta là thuộc quốc. Vậy là nhà Tống đã xách mé và có ý đồ hạ thấp và xem thường vua Lý. Giao Chỉ Quận Vương, nghĩa là xem vua nước ta là vương của một quận thuộc địa như thời lệ thuộc Trung quốc xa xưa. Giao chỉ là quận nhỏ tại đất Giao Châu. Lý thường Kiệt là người rất quyết đoán trong hành xử và điều hành quốc gia. Ông tinh ý và chuẩn bị các bước tiến hành chiến tranh với Tống. Lý tướng quân chuyển giao lại vai trò tướng quốc cho Lý Đạo Thành còn mình thì đích thân huấn luyện binh đội và xin cầm quân

sang đánh Tống. Vua chấp thuận, phong Lý Thường Kiệt làm tướng chinh phạt có phó tướng là Tôn Đản phụ trợ. Họ chỉ huy 10 vạn tinh binh chia ra làm 2 đạo. Thủy binh do Lý tướng quân chỉ huy, bộ binh do phó tướng Tôn Đản chỉ huy cùng tiến sang đánh nhà Tống. Lý Thường Kiệt đánh chiếm nhanh gọn các châu Khâm, Liêm; Tôn Đản chỉ huy quân bộ hạ thành châu Ung khó khăn. Vua Tống lệnh cho Đô giám Quảng Tây nhà Tống là **Trương Thủ Tiết** đem quân đến cứu. Lý Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn Lôn (nay là phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây của nhà Minh) chém **Trương Thủ Tiết** tại trận. Biết đạo quân cứu viện đã bị đánh tan tành, tuyệt vọng Đô Giám Ung châu tử tiết cùng gia đình. Hạ xong thành, Lý Thường Kiệt thu quân về.

Năm 1076, (tức đời Tống Hy Ninh năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, nhà Tống sai Quách Quỳ, tuyên phủ sứ Quảng Nam (Quảng Nam này là địa danh, là đất của Tàu trùng tên với tỉnh Quảng Nam của Việt nam có sau năm 1475 là đất của Chiêm thành) làm Chiêu Thảo sứ, Triệu Tiết làm phó, đem quân 9 tướng, hợp với Chiêm Thành và Chân Lạp sang xâm lấn nước ta. Ba mặt giáp công. Trong lần đánh phục hận này, Quách Quỳ nhận sứ mệnh phải đánh đến cùng hầu rửa nhục cho Đại Tống. , Quách Quỳ vào trận với sự uy thác "đánh phải thắng bằng mọi giá " làm quà cho tể tướng Vương An Thạch" hầu chứng minh đường lối cải cách theo Tân pháp của tể tướng Vương An Thạch đã thành công. Đánh tan giao châu của Đại Việt nhằm thị uy với các nước phương bắc láng giềng của Tống.

Lúc đó nhuệ khí của quân Tống rất mạnh. Không bao lâu sau họ đã đến bờ bắc của sông Như Nguyệt, cách kinh thành Thăng Long chừng vài chục dặm (khoảng chừng 60 km về phía bắc). Quân ta vất vả giữ vững trận địa. Quân Tống dùng súng bắn đá bắn xối xả vào bờ nam làm thuyền bè ta bị vỡ nát không ít. Hai hoàng tử đã hy sinh và vài danh tướng cũng bị tử thương. Thương vong cao. Lý Thường Kiệt đã dùng diệu kế là cho đọc bản thơ Hịch lời thơ ngắn gọn, thời điểm công bố là trong một đêm trăng dưới làn mưa đá xối xả được bắn ra từ bên kia bờ bắc của sông Như Nguyệt, từ quân của viên tướng sừng sỏ Quách Quỳ. Khí thế địch thật mãnh liệt.

Trong tình hình chiến trường trường sông động ấy. Lý Thường Kiệt thấy rằng bài hịch không thể viết dài, khó nhớ, không thể đọc trước hàng quân như thông lệ năm xưa qua đánh Tống mà phải chọn lọc kỹ lưỡng.

Chọn điểm phát ngôn là từ một ngôi miếu vốn nổi tiếng linh thiêng (đền thờ thần sông) nằm ở phía nam sông Như Nguyệt, đền thờ hai vị anh hùng Trương Hát và Trương Hồng, vốn là hai võ tướng dưới thời Triệu Quang Phục. Khi binh sĩ nghe bài thơ phát ra từ miếu thần rằng:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiết nhiên phân định tại thiên thư

**Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!**

Khí thế quân Nam trở nên bùng bùng như có thần nhân hỗ trợ và quân Tống lập tức bị chặn lại. Tống quân bị tổn thất nặng nề. Quân Tống tiến thoái lưỡng nan. Lý Thường Kiệt đề nghị giảng hòa nhằm giảm sự khổ đau cho nhân dân. Quách Quỳ thấy kéo dài là thua chắc nên thuận lui binh.

Phần 02

Nguyên tác

南國山河，
南國山河南帝居
截然分定在天書
如何逆虜來侵犯
汝等行看取敗虛
李常杰

Phiên âm

Nam quốc sơn hà

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên **phân định** tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Lý Thường Kiệt

bài Nam quốc sơn hà cần chú và dịch theo phong cách và ngôn ngữ đã quy định cho thể thơ hịch này

Câu 1 nêu công lý muôn đời

南國山河南帝居

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Đó là câu công lý bởi năm 1054 vua Lý Thánh Tông đã đặt tên nước ta là Đại Việt, tính đến năm 1076 đã được 22 năm.

Sau khi Lý thường Kiệt mất, câu”
“**Nam quốc sơn hà nam đế cư**”

Thành câu kinh nhật tụng trong suốt dòng lịch sử dân tộc ta, ,

Chính vì tính cách Việt khác tính cách Tàu kể cả trong văn chương và ngôn ngữ trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Sau khi Lê Lợi đánh thắng nhà Đại Minh, Nguyễn Trãi trong "Bình Ngô đại cáo": đã lặp lại ý thơ Hịch năm xưa của danh tướng Lý Thường Kiệt ông viết :

*"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo,
**Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu**
Nước non bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.. "*

c) *Cuối thế kỷ thứ 18, vua Quang Trung*

*Đánh cho dài tóc,
Đánh để đen răng,
Đánh cho chích luân bất phản!
Đánh cho phiến giáp bất hoàn!
Đánh cho sử tri Nam Quốc Anh hùng chi hữu chủ!*

Câu 2

截然 分定在天書

Tiệt nhiên phân định tại thiên thư

a)- Tiệt nhiên, [**截然**.] phân biệt rõ ràng đâu ra đấy không dính dáng gì với nhau nữa. Tiệt là cắt lìa ra, nhiên là vốn dĩ là như thế.

b)- **Phân định**, [**分定**] sau một ngàn năm dành giết và trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng năm xưa, Ngô vương Quyền đã cho nhà Nam Hán biết thế nào là vàng là đá tính đến thời Lý tướng quân đã trên dưới 150 năm rồi. Việc phân định [**分定**] nay coi như đã ổn.

c)- "Thiên thư", Sách Trời (Trời là đấng, là người lập nên thế gian này), nhất là người Tàu vốn đã tôn Khổng tử là thánh nhân, đạo của Khổng là cô đức

trong câu, "sống là phải biết nương theo đạo Trời" , thuận lòng Trời là yên, nghịch lòng Trời là loạn lẽ nào lại vua Tống ngày nay lại không rõ tiền nhân họ. Lý tướng quân mắng vua Tống ngu hèn là phải đạo.

Chính vì vậy mà năm 1075 khi dẫn binh vào đất Tống, Lý thường Kiệt đã mắng mỏ vua Tống trong bài hịch:

" Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng biết tuân theo phép thánh, lại tin kế của An Thạch tham tà, bày những phép "thanh miêu", "trợ địch" khiến trăm họ mệt nhọc làm than, mà riêng thoả mãn nuôi mình béo mập. Bởi trăm tính mệnh muôn dân, đều phú bẩm tự trời, thế mà bỗng sa vào cảnh éo le độc hại, lượng kẻ ở trên cố nhiên phải xét.

Lý Thường Kiệt đã lý luận những gì đã được "phân định " tại sách Trời ấy mà dân Lạc Việt ta đã đấu tranh dai dẳng với phương bắc từ hơn 1000 năm trước để đến năm 938 thì Ngô Vương Quyền đặt nền móng độc lập lâu dài sau trận thủy chiến năm xưa. Nước ta luôn luôn thắng địch bằng thủy chiến. Chiến tranh trên đường thủy luôn có tính quyết định ; trong trận đánh năm xưa 1075, chính Lý Thường Kiệt đã đích thân chỉ huy chiến thuyền đánh vào châu Liêm giải quyết gọn nhẹ về phần mình, trong khi cánh lục quân do phó tướng Tôn Đản người Tày đánh châu Ung thì chậm hơn, cuối cùng Lý Thường Kiệt đã phải hỗ trợ sau khi chém tướng tư lệnh đạo quân Quảng tây mang sang cứu viện là Trương thủ Tiết tại ngay mặt trận thì thành Ung Châu mới hạ được, Lý thường Kiệt hoàn thành cuộc chinh phạt.

Năm xưa Hai Bà Trưng thua vì không có sức mạnh của thủy binh nên ngưi Đầu Mã Viện đã đổ bộ lên đất Giao châu bằng đường thủy như chỗ không người; rồi Trương Phụ (năm 1407) cũng huy động thủy binh hùng mạnh sang trấn áp nước ta, cho nên từ "**baTàu,** " là từ cảnh giác dân tộc này từ ngàn năm trước. Mặt biển đông luôn là hướng quyết định cuộc chiến sinh tồn của dân tộc này trước sự xâm lăng của phương bắc. Nhiều lần mất nước hoặc từ sự lơ là hoặc là do yếu kém vì ngân sách quốc gia. Thiếu ngân sách, tiêu pha phung phí bỏ mặc thủy binh suy yếu, ta mất nước cho người Pháp cũng từ đường thủy mà ra. Năm 1862 Mất miền đông, năm 1874 mất miền tây, 1884 mất luôn nước.

Câu 3

如何逆虜來侵犯

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm.

Dịch từng từ,

a)-"Như hà" là lời hỏi vặn, vì sao, vì có gì, hà có gì, mắc mớ gì. .
Nghịch [逆] là làm trái >> "ngỗ nghịch" [忤逆], Nghịch là từ phản nghĩa của thuận, Nghịch làm trái với lẽ tự nhiên (thuận)

b)-Lỗ [虜] là tù, là tiếng dùng để "nhiếc mắng ", đồ mọi rợ, bọn tù mọi rợ
Nghịch lỗ [忤逆] bọn tù mọi rợ ngỗ nghịch

Dịch nguyên câu ba

"Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm. " Hà có gì mà bọn mọi rợ ngỗ nghịch kia sang xâm phạm. Xâm phạm cái gì ? Lý Thường Kiệt cho rằng triều đình nhà Tống với **"vua Tống ngu hèn "** kia đã xâm phạm những điều đã quy định (vốn được phân định rạch ròi từ sách trời, ít nhất là từ khi Ngô Vương ta thiết lập nền độc lập vĩnh cửu cho dân Lạc Việt)

Câu 4

汝等行看取敗虛

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

a)-[汝] nữ là mày, vốn là từ Tàu thuần túy mang ngữ nghĩa "miệt thị ",

b)-[等] đẳng là bọn, là lũ, cũng là từ Tàu thuần túy mang ngữ nghĩa "miệt thị **Nhữ đẳng là** đẳng cấp bọn mày, thứ "ngữ mày", "thứ đẳng cấp thuộc loại ngữ mày thì làm được nước non gì ! "

c) **hành khan** là thấy ngay lập tức

d) [取] thủ là cầm lấy, rước lấy.

e)- [虛] hư là hồng hoàn toàn ,

"**thủ bại hư**" cầm chắc trong tay lấy thất bại hoàn toàn.

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Theo đúng ngữ hịch:

Thứ "ngữ mà" nắm chắc thất bại hoàn toàn ngay thôi mà !.

1-Nhắc nhớ chuyện năm trước còn quá mới với thời điểm phát bài thơ hịch này, Lý Thường Kiệt đã chém tướng tư lệnh Quảng Tây và các thuộc tướng tại ngay chiến trường khi tấn công vào hang ổ của chúng. *Lý Thường Kiệt, nói là làm* quá khứ đã chứng minh.

2. Vua Quang Trung cũng đã viết hịch với lời lẽ như sau:

*Đánh cho dài tóc,
Đánh để đen răng,
Đánh cho chích luân bất phản!
Đánh cho phiến giáp bất hoàn!
Đánh cho sử tri Nam Quốc Anh hùng chi hữu chủ!*

chích luân là cái bánh xe,

a) "*chích luân bất phản!*" là như cái bánh xe chỉ phải quay theo chiều thuận, một chiều, không hề quay ngược bao giờ, nghĩa là "**sách trời**" trong Nam quốc sơn hà, đã quy định là như vậy, cứ thuận theo mà bảo toàn mạng sống, có sao phải làm nghịch lại..

b) "*phiến giáp bất hoàn*" là một mảnh giáp cũng không còn để mà về, lính thua chạy không có gì mặc mà chạy về ắt phải xấu hổ với vợ con, hàm ý là "*đánh cho không còn "cái quần xà lỏn"* để mà mặc chạy về.

Đánh cho biết thế nào là ô nhục khi xâm lăng nước Nam.

Vua Quang Trung, nói là làm, bởi trong đời Ngài chưa biết thế nào là thua trận, ngay cả khi giáp trận với người Tây khi bọn này giúp Gia Long mãi Quốc Cầu Vinh với vũ khí tinh xảo hơn hẳn mà cũng phải chạy dài. Tôn sĩ Nghị bỏ chạy trốn chết, háp tấp đến nỗi mà bỏ cả án tín, quân Thanh chòì đập làm sập cầu phao, xác trôi lênh lênh làm nghẹt dòng sông Nhị. Dân vùng biên giới Hoa Việt phải chạy lùi vào sâu trong đại lục cả trăm dặm.

Trận chiến trong đêm trăng bên bờ sông Như Nguyệt chỉ cách kinh thành Thăng Long trên dưới vài chục dặm (khoảng 60 km). Nhờ đêm tối, đêm là thời điểm của thần nhân, là cõi âm, là cõi tĩnh, người nghe rõ hơn, tập trung hơn.

Ngôn từ tuyệt kỹ của người xưa là dùng âm điệu cao thấp của dòng thất ngôn, và ngôn từ cần là "đánh đúng vào lòng người Việt khiến họ phấn khích mà cảm gương xông tới, quên đi nỗi sợ tử vong

Chúng ta hiểu rõ được từng chữ, ý nghĩa thì càng yêu mến tiền nhân ta hơn nữa.

Dịch sang thơ quốc âm:

01

*Nước non Nam Đế Nam hùng cứ!
Phân định sách trời xưa tỏ nay,
Lỗ mãng! có sao sang lán phạm,
Ngữ bậy thất bại chắc trong tay !*

02

*Đất nước Nam, Đế Nam, hùng ngự!
Sách trời phân định tỏ xưa nay.
Có sao lỗ mãng sang xâm lược!,
Chống mắt xem Ta " tẩn " lũ mày!.*

"hùng ngự", vuốt râu hùng chết có ngày!. Rừng nào cọp nấy.

" tẩn ", dẫn, tâm, đấm, xáng, táng. . " là các từ mà người Việt nam hay dùng sau khi hạ gục kẻ thù.

Lỗ mãng là chữ của người bề trên nói với kẻ dưới, thường hàm chứa một sự đe dọa, hễ không sửa chữa là ta sẽ đánh mày nếu như mày không biết hối lỗi.

Chống mắt thường là sự quả báo cho một hành động phải xảy ra khi có một nguyên nhân sai lầm hoặc bất nhân.

Tẩn, dẫn là khi ta chế ngự địch thủ đến mức không còn khả năng kháng cự, địch thủ chỉ còn nằm yên chịu trận mà thôi.

Vài bản dịch của người xưa

03

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định rõ ở sách trời
Cớ sao lũ giặc đến xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời! (1)

04

Sông núi nước Nam vua nam coi.
Rành rành phân định ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Bay sẽ tan tành chết sạch toi.

04

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận tại sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm ?
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời!

05

Núi sông Nam Việt vua Nam ở
Vằng vặc sách trời chia xứ sở
Giặc dữ cớ sao phạm đến đây
Chúng mày nhất định phải tan vỡ

Bản số 06:

Đất nước Đại Nam, Nam đế ngự
Sách trời định phận rõ non sông
Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm ?
Bay hãy chờ coi chuốc bại vong.

Kết luận:

Sau trận thua đau này nhiều người Tàu thời ấy, hoặc sau này viết nhiều câu chuyện Tàu nhằm giảm cấp chuyện đánh Tống thắng lợi vang dội của danh tướng Lý Thường Kiệt năm xưa. Họ thần thoại hóa sức mạnh của

Quách Quỳ như là một danh tướng bách chiến bách thắng trong các truyện Tàu như Tam hạ Nam đường, Vạn huê Lầu.

Tư tưởng Đại Hán thái quá của họ luôn luôn là điều khiến cho người Việt chúng tôi dè chừng người Tàu như ông bà chúng ta đã đề phòng từ hơn 2000 năm nay. Từ **ba Tàu, ba Trời, ba Hoa** trong ngôn ngữ Việt là một minh chứng.

Đây không phải là bản Tuyên ngôn độc lập bởi nước ta đã là một thực thể độc lập vững chắc kể từ khi Ngô Vương Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Từ năm 938 trở về sau nước ta đã độc lập lâu dài. Từ đó cho đến 1076 tính ra đã được 137 năm. Nay Lý Thường Kiệt chỉ báo là "**rừng nào có cọp nấy, đất nước phương Nam này ta đã tốn máu xương để dành lại và xóa sổ 1000 năm lệ thuộc**".

Lý thường Kiệt đã thay trời cứu dân Tống khỏi lầm than vì họa Tân pháp của Vương An Thạch. Thế nên câu đầu "Nam quốc sơn hà Nam đế cư", không cần phải nêu tên nước của ta trong từng thời kỳ làm gì. "Nam quốc sơn hà là đất đai của giống nòi Lạc Việt.

Sáu điều độc đáo của bài thơ hịch "Nam quốc sơn hà "

Khác hơn các bản hùng văn được thể hiện đây đó trên thế giới, bản hùng văn này có những yếu tố kỳ lạ tối ưu sau.

a) **Một là** dùng thơ để viết hịch.

b) **Hai là** bài thơ lại rất ngắn, nó chỉ có bốn câu gồm 28 chữ, với một bố cục cực kỳ chặt chẽ mà trong suốt giọng lịch sử của người Tàu họ không làm sao tưởng tượng nổi rằng đã có một tướng lãnh Đại Việt đã viết hàm súc như vậy.

c) **Ba là** Thể hịch buộc phải dùng lời "khoa ngôn" để khích tướng và làm cho người chiến binh bớt sợ kẻ thù. Nam quốc sơn hà thì người thật việc thật, không lộng ngữ khoa ngôn.

e) **Bốn là** bài hịch được truyền đi khi vị tướng quân tư lệnh chiến trường không cần phải tập hợp binh sĩ, không cần phải nhìn hàng quân dưới bóng quân kỳ mà ban lời "nhật lệnh", "huân lệnh, đọc bài hịch để nâng cao tinh thần binh sĩ như thông lệ. Lý thường Kiệt đã có cách khác hiệu quả hơn nhiều, kỳ diệu hơn nhiều. mau thuộc mau nhớ, trình độ nào cũng hiểu.

f) **Năm là** bài thơ của Lý Thường Kiệt dùng ngôn từ cho cả hai đối tượng mà mình nhắm đến, binh sĩ thuộc quyền và cả binh sĩ địch. Với kẻ thù thì đó

nặng lời "mắng mỏ", miệt thị và đối với binh sĩ kẻ thù rằng những gì ta nói có các nhân chứng nay là thuộc tướng của ta, họ đã chứng kiến.

g) **Sáu là** Lý thường Kiệt biết giữa ngôn ngữ bình dân, số từ tiếng nôm nhiều hơn thứ tiếng Tàu mà các quan văn đang dùng nên bài thơ Hịch có thể được dịch ra thành nhiều **bản** khác nhau, tùy theo độ nhuần nhuyễn từ ngữ dân tộc, từ đó đánh thẳng vào lòng yêu quê hương của người chiến binh.